

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 162/2018/DS-PT

Ngày 09/11/2018

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự, ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 148/TLPT-TA ngày 27/6/2018 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148B/2018/QĐ-PT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1952; địa chỉ: Đà Nẵng; ông P có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh P là Luật sư Bùi Anh N - Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ tỉnh Quảng Nam; luật sư N có mặt.

1.2. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1956; địa chỉ tỉnh Quảng Nam, có mặt.

1.3. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1946; tỉnh Đồng Nai, có mặt.

1.4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944; trú tại tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

1.5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; trú tại tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị T đều ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh P tham gia tố tụng.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị C1, sinh năm 1945, vắng mặt;

2.2. Anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1967, vắng mặt;

Bà C1, anh X cùng trú tại tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị C1, anh Nguyễn Thanh X là chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1976 (địa chỉ tỉnh Quảng Nam) theo các văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017, 21/6/2017; chị N có mặt.

2.3. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1980; cư trú tại Quảng Nam; vắng mặt.

2.4. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1976; cư trú tại tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953; trú tại: 19 Clive.ST, springvale Vic 3171 Australia, vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1977; trú tại thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; trú tại: thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 1985; trú tại tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Nhi T2, sinh năm 1955; trú tại: thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Phi H, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị Như H1, ông Nguyễn Nhi T2 là ông Nguyễn Thanh P theo các văn bản ủy quyền ngày 23/01/2017, 11/02/2017, 15/02/2017, 13/02/2017 và ngày 24/02/2017, ông P có mặt.

3.6. Chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1969; trú tại thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3.7. Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1972; nơi cư trú cuối cùng: tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3.8. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1974; trú tại thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3.9. Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1983; trú tại: thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn gồm ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T trình bày: Cha mẹ các Ông Bà là vợ chồng cụ Nguyễn Thanh N (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2002) có 08 người con là:

1. Ông Nguyễn Thanh T (chết năm 2007), có vợ là Trần Thị C1 và 07 con là Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thị Thanh H2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị Thanh T3.
2. Bà Nguyễn Thị C;
3. Ông Nguyễn Thành T;
4. Ông Nguyễn Thanh P;
5. Bà Nguyễn Thị K;
6. Bà Nguyễn Thị L (chết năm 2015) có chồng là Nguyễn Nhi T2 và 3 con là Nguyễn Phi H, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị Như H1.
7. Ông Nguyễn Thanh L;
8. Bà Nguyễn Thị T.

Khi còn sống cha mẹ các Ông Bà tạo lập được khối tài sản là nhà gỗ, mái lợp tranh gắn liền diện tích đất (theo kết quả xem xét thẩm định ngày 28/6/2017 - bút lục 164) là 339,8m², thuộc thửa 335, tờ bản đồ số 01, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Khi cụ N còn sống thì vợ chồng cụ N, cụ T đã cắt cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L 200m² đất làm nhà ra ở riêng; còn vợ chồng cụ N, cụ T sống tại nhà gỗ, mái lợp tranh. Năm 1992 cụ N chết không để lại di chúc; năm 1994, nhà gỗ, mái lợp tranh hư hỏng, đột nát nên bà Nguyễn Thị K ở nước ngoài gửi tiền về để cụ T xây dựng nhà mới 05 gian để làm nơi ở và thờ cúng, hiện tồn tại đến nay. Ngày 10/12/2001 với sự có mặt đầy đủ 8 con, cụ T lập **Di chúc** và **Biên bản về việc giải quyết thừa kế** thống nhất giao nhà 5 gian và đất cho vợ chồng ông T quản lý, sử dụng, canh tác thu hoa lợi dùng vào việc thờ cúng, không được cho, bán, trao đổi và thế chấp. Cụ T chết ngày 14/8/2002; sau đó, để ông T được quản lý, sử dụng nhà đất dùng vào việc thờ cúng hợp pháp thì các anh chị em trong gia đình đều lập văn bản đề tạo điều kiện cho ông T lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy, ngày 06/10/2003 Ủy ban nhân dân huyện D cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X307422 cho “*hộ ông Nguyễn Thanh T*” đối với diện tích 275m² đất.

Ngày 12/8/2007, tám người con của vợ chồng cụ T họp lập **Biên bản** thống nhất việc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L đồng ý cắt 18m² đất trong diện tích 200m²

đất mà cha mẹ cho trước đây để mở “con đường đi vào nhà Tự đường cho ông bà Nguyễn Thanh T”. Trên cơ sở diện tích 18m² đất được ông L cắt thêm để mở đường vào nhà thờ này mà vợ chồng ông T kê khai xin chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 23/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện D cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AH547831 công nhận vợ chồng ông T, Bà C1 có quyền sử dụng diện tích 293m² đất. Sau khi ông T chết vào tháng 7/2008 do vợ con ông Chiến không lo thờ cúng tổ tiên chu đáo, cũng như không tạo điều kiện cho các đồng thừa kế của vợ chồng cụ N, cụ T tiến hành thờ cúng tại nhà Tự đường (thường xuyên khóa cửa nhà Tự đường) nên nảy sinh tranh chấp. Phát hiện nội dung *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X307422 ngày 06/10/2003 mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho “*hộ ông Nguyễn Thanh T*” và *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AH547831 ngày 23/11/2007 mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho vợ chồng ông T, Bà C1 không chú thích rằng đây là nhà đất dùng vào việc thờ cúng, không ghi giới hạn về quyền mua bán, chuyển nhượng, tặng cho của ông T vào Giấy chứng nhận nên các con vợ chồng cụ N, cụ T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó tại bản án hành chính phúc thẩm số 29/2015/HCPT ngày 31/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại Đơn khởi kiện lúc đầu ngày 18/01/2017 các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ là nhà xây 5 gian gắn liền quyền sử dụng thửa đất, yêu cầu nhận toàn bộ nhà đất, thanh toán kỹ phần thừa kế của ông T cho vợ con ông T; nhưng sau đó trong quá trình tố tụng các đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là xin thay đổi người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng với việc đề cử ông Nguyễn Thanh P là người đứng tên quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, tuy nhiên vẫn đồng ý thanh toán giá trị xây dựng nhà kho theo định giá là 25.099.000 đồng cho vợ con ông T và hỗ trợ thêm cho vợ con ông T 50.000.000 đồng.

- Bị đơn là vợ và các con ông Nguyễn Thanh T do chị Nguyễn Thị Thanh N làm đại diện trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Năm 1992, cụ Nguyễn Thanh N (ông nội của Chị) chết nên theo nguyện vọng của gia đình bên nội thì năm 1993 gia đình Chị bán nhà chuyển về nhà ông bà nội sinh sống. Ngày 10/12/2001, bà nội cùng tất cả các cô chú lập biên bản giải quyết thừa kế, thống nhất giao nhà gắn liền 275m² đất cho cha Chị (ông Nguyễn Thanh T) quản lý thờ cúng tổ tiên, đồng thời bà nội lập Di chúc để lại toàn bộ nhà đất cho cha chị. Sau khi bà nội qua đời, các cô chú lập giấy từ chối nhận di sản thừa kế, thống nhất để lại di sản thừa kế cho cha Chị nên ngày 06/10/2003 Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X307422 cho cha chị (ông Nguyễn Thanh T) có quyền sử dụng 275m² đất. Năm 2007, vợ chồng chú Nguyễn Thanh L lập

Hợp đồng tặng cho cha mẹ chị diện tích 18m² đất nên Cha chị đã làm thủ tục xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 547831 ngày 23/11/2007 công nhận cha mẹ chị có quyền sử dụng thửa đất số 335, tờ bản đồ số 01, diện tích 293m².

Như vậy, cha chị nhận thừa kế di sản của ông bà nội theo Di chúc của bà nội, đồng thời các cô chú cũng đã lập biên bản từ chối nhận di sản thừa kế để giao cho cha chị quyền thừa kế; do đó nay các cô chú lại khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì gia đình Chị không đồng ý. Nếu Tòa án quyết định chia thừa kế thì gia đình Chị yêu cầu được nhận nhà đất vì không có chỗ ở nào khác, yêu cầu tính công sức giữ gìn, tôn tạo di sản với số tiền 150.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh H2 và chị Nguyễn Thị Thanh N (con ông Nguyễn Thanh T) thống nhất với trình bày và đề nghị của chị Nguyễn Thị Thanh N.*

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 17/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 623, 645 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, xử:

- *Giao ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 339,8m² tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 01, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam cho ông Nguyễn Thanh P đại diện cho các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thanh N và cụ Nguyễn Thị T nhận quản lý để dùng vào việc thờ cúng.*

- *Giao cho ông Nguyễn Thanh P đại diện cho nguyên đơn nhận và sở hữu nhà kho với diện tích xây dựng 18,9m² trên diện tích đất 339,8m² tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 01, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam và có trách nhiệm bồi trả giá trị cho bà Trần Thị C1 là 25.099.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm, chín mươi chín ngàn đồng)*

- *Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Nhi T2, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị K do ông Nguyễn Thanh P đại diện hỗ trợ cho bà Trần Thị C1 về*

công sức tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Hoàn trả lại cho các nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Nguyễn Thanh P đại diện nộp theo biên lai thu số 000394 ngày 20/01/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các bị đơn bà Trần Thị C1, anh Nguyễn Thanh X, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3000.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Ngày 31/5/2018, bà Trần Thị C1, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Thanh H2, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Thanh T3 cùng ký Đơn kháng cáo không đồng ý với toàn bộ phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm (tuy nhiên, chỉ Bà C1 và chị N nộp tạm ứng án phí kháng cáo) vì: Năm 1992, cha chồng Bà C1hết, sau đó được sự thống nhất của cả gia đình bên chồng và các chị em bên gia đình nhà chồng đã lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế nên vợ chồng Bà đã bán nhà riêng chuyển về sống cùng mẹ chồng đến nay đã hơn 25 năm, hoàn thành chu đáo nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên. Do đó, không đồng ý chia thừa kế di sản của cha mẹ chồng; hơn nữa Tòa án buộc mẹ con Bà phải giao trả nhà đất trong khi không còn chỗ ở nào khác là không bảo đảm quyền lợi hợp pháp của gia đình Bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

+ Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là có cơ sở, đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xem xét, yêu cầu khởi kiện của các con của vợ chồng cụ N, cụ T đề nghị Tòa án căn cứ Điều 670 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn để xác định nhà đất tọa lạc tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 01, xã S, huyện D,

tỉnh Quảng Nam là di sản dùng vào việc thờ cúng, chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc cử ông Nguyễn Thanh P thay ông Nguyễn Thanh T (đã chết) là người tiếp quản, quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[1.1]. Vợ chồng cụ Nguyễn Thanh N, cụ Nguyễn Thị T có 08 người con chung là ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Lành, ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị T. Vợ chồng cụ N, cụ T tạo lập được nhà gỗ, lợp tranh trên mảnh đất vườn diện tích 475m²; khi cụ N còn sống hai cụ đã cắt cho người con thứ 7 là ông Nguyễn Thanh L 200m² đất để ông L làm nhà ra ở riêng, hai cụ ở tại nhà gỗ, mái lợp tranh trên diện tích đất khoảng 275m²; năm 1992 cụ N chết không để lại di chúc. Theo xác nhận của những người hàng xóm thì năm 1994 nhà gỗ, mái lợp tranh do cụ N, cụ T dựng bị hư hỏng, dột nát nên bà Nguyễn Thị K định cư tại Australia gửi tiền về xây dựng nhà 5 gian, còn lúc đó gia đình ông Nguyễn Thanh T “đang sống ở vùng kinh tế mới rất khó khăn..” (bút lục 75). Ngày 10/12/2001, cụ T lập **Di chúc** và **Biên bản về việc giải quyết thừa kế**, có đầy đủ chữ ký của 8 người con thống nhất “1. Ngôi nhà tôi đang ở dùng để làm nơi thờ tự tổ tiên ông bà, không được cho, bán, cho thuê, trao đổi và thế chấp. 2. Sau khi tôi qua đời, tôi thừa kế lại cho người con trai trưởng Nguyễn Thanh T sinh 1941 gìn giữ, tu bổ và nhang khói, những vật dụng như tủ, bàn ghế, bộ phản dùng để phục vụ những ngày giỗ chạp. 3. Nguyễn Thanh T tăng gia sản xuất trên đất đó lấy thu nhập để nhang khói và làm nghĩa vụ thuế với nhà nước, đồng thời có trách nhiệm nhắc nhở anh em con cháu những ngày giỗ chạp. Hai người con Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh L đang ở trên phần đất có nguồn gốc tổ tiên để lại chỉ được sang nhượng, trao đổi nhà cửa của mình cho con cháu ruột thịt gia đình”.

[1.2]. Cụ T chết ngày 14/8/2002. Sau đó, để tạo điều kiện cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với nhà đất dùng làm nơi thờ cúng theo Di chúc nêu trên của cụ T thì ngày 29/7/2003 tại Australia (có xác nhận của Tham tán Việt Nam tại Australia) bà Nguyễn Thị K lập **Giấy cam kết** (bl 94) giao đất lại cho ông T đứng tên quản lý, sử dụng với điều kiện “yêu cầu giải quyết đúng với nội dung tờ di chúc của bà Nguyễn Thị T và tôi không có quyền khiếu nại gì từ nay về sau”; đồng thời các người con khác của vợ chồng cụ T cũng lập **Đơn cam kết** hoặc **Giấy từ chối nhận di sản** mục đích “...để anh tôi lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (bl 99-103). Trên cơ sở Văn bản do các con cụ T lập đồng ý để ông T đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên thì ngày 06/10/2003 Ủy ban nhân dân huyện D cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số X307422 cho “hộ ông Nguyễn Thanh T”, đối với diện tích 275m² đất.

[1.3]. Theo xác nhận của những người hàng xóm thì năm 2007, ông Nguyễn Thanh P sinh sống tại Đà Nẵng bỏ tiền tu sửa nhà thờ; hoàn cảnh gia đình ông T lúc

đó rất khó khăn (b1 107). Ngày 12/8/2007 tám người con của vợ chồng cụ T họp lập **Biên bản** thống nhất việc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L đồng ý cắt 18m² đất trong diện tích 200m² đất mà cha mẹ cho trước đây để mở “con đường đi vào nhà Tự đường cho ông bà Nguyễn Thanh T” (bút lục 97). Ông T nhập diện tích 18m² đất được ông L cho này để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông T, Bà C1 nên ngày 23/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện D cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số AH547831 cho vợ chồng ông T, Bà C1 đối với diện tích đất 293m². Tháng 7/2008, ông T chết và sau đó các anh chị em với ông T phát hiện việc “hộ ông Nguyễn Thanh T” cũng như vợ chồng ông T đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng với ý nguyện của cụ T nên khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “hộ ông Nguyễn Thanh T”, đứng tên vợ chồng ông T, Bà C1. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 29/2015/HCPT ngày 31/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã hủy **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số AH547831 mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho vợ chồng ông T, Bà C1 ngày 23/11/2007, đối với diện tích đất 293m² đất (**Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số X307422 mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho “hộ ông Nguyễn Thanh T” ngày 06/10/2003, đối với diện tích 275m² đất đã bị UBND huyện D hủy khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH547831) với lý do: Nội dung Văn bản ngày 10/12/2001 do cụ T và 8 con cụ T lập đều thống nhất giao toàn bộ nhà đất cho ông T quản lý làm nơi thờ cúng tổ tiên, không được cho, bán, cho thuê, trao đổi và thế chấp, chỉ được chuyển quyền sử dụng cho con cháu trong gia đình; nhưng UBND huyện D cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số X307422 cho “hộ ông Nguyễn Thanh T” và không ghi giới hạn về quyền mua bán, chuyển nhượng, tặng cho của ông T vào Giấy chứng nhận là không đúng; tương tự **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số AH547831 mà UBND huyện D cấp cho vợ chồng ông T, Bà C1 cũng không đúng.

[1.4]. Bà C1 còn cho rằng trong diện tích nhà đất hiện tranh chấp, có 18m² đất là của vợ chồng Bà C1 được ông Nguyễn Thanh L tặng cho thì cấp phúc thẩm thấy nội dung **Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất** giữa vợ chồng ông L với vợ chồng ông T lập ngày 20/8/2007 thể hiện vợ chồng ông L tặng cho vợ chồng ông T 18m² đất tại thửa số 336a, tờ bản đồ số 01, thôn K, xã S, huyện D với mục đích để mở lối đi chung giữa 02 hộ ông T và ông L, điều này đã được ông L thừa nhận (bút lục 273) và phù hợp với các biên bản làm việc của UBND xã S (bút lục 274-277).

[1.5]. Sau khi ông T chết, vợ và các con ông T không tạo điều kiện thuận lợi cho các con của vợ chồng cụ T vào nhà Tự đường thắp hương cho tổ tiên nên ông Nguyễn Thanh P và các con khác của vợ chồng cụ T liên tục khiếu nại việc nay với chính quyền địa phương (bút lục 69-74), đồng thời theo biên bản xác minh do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam lập ngày 23/3/2018 (biên bản được cán bộ Tư pháp - hộ tịch xã và Chủ tịch UBND xã S xác nhận, bút lục 256) thì hiện nay “Bà C1 đang

sinh sống với con tại thành phố Hồ Chí Minh....các con của Bà C1 hiện nay đã có gia đình và sinh sống tại nhà riêng...ngôi nhà hiện nay đang đóng cửa, không có ai sử dụng”.

Như vậy, nhà đất hiện có tranh chấp thì trước khi chết, cụ T đã lập **Di chúc** (có chữ ký của cả 8 người con) giao cho ông Nguyễn Thanh T quản lý, dùng vào việc thờ cúng; các con của vợ chồng cụ T có lập Văn bản từ chối nhận di sản, để ông T có thể làm thủ tục đứng tên nhà đất, nhưng với điều kiện và mục đích là ông T phải thực hiện đúng ý nguyện của cụ T tại **Di chúc** và các Văn bản này xác lập quá hạn 6 tháng kể từ khi cụ T chết nên cũng không có hiệu lực theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 1995; ông L tặng cho vợ chồng Bà C1 18m² đất với mục đích sử dụng mở lối đi chung giữa hai hộ gia đình; Bản án hành chính phúc thẩm số 29/2015/HCTP ngày 31/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cũng đã hủy các Giấy chứng nhận đứng tên “*hộ ông Nguyễn Thanh T*” và đứng tên vợ chồng ông T, Bà C1; hiện nay ông T đã chết, Bà C1 khóa cửa nhà Tự đường, không thực hiện việc thờ cúng, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 670 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 645 Bộ luật dân sự 2005) “*Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng*” chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thay đổi người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2]. Xem xét yêu cầu của Bà C1 và các con Bà C1 về công sức giữ gìn, tôn tạo di sản, đóng góp xây dựng nhà Tự đường và giá trị công trình do mẹ con Bà C1 xây dựng trên đất, cấp phúc thẩm xét thấy: Theo kết quả tại **Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ** và kết quả tại **Biên bản định giá tài sản** ngày 28/6/2017 (bút lục 164-169) thì diện tích đất đo đạc thực tế hiện nay là 339,8m² đất, có giá trị quyền sử dụng đất theo thị trường là 339,8m² x 144.000đồng/m²= 48.931.200 đồng; các đương sự đều thừa nhận mẹ con Bà C1 có xây dựng nhà kho trên đất trị giá 25.099.000 đồng; ngoài ra, mẹ con Bà C1 còn cho rằng có góp 06 chỉ vàng khi xây dựng nhà Tự đường và yêu cầu Tòa án tính công sức giữ gìn, tôn tạo di sản là 150.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai nại của Bà C1 về góp 6 chỉ vàng là có cơ sở vì Bà C1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi các con của vợ chồng cụ T không thừa nhận. Đối với yêu cầu tính công sức của mẹ con Bà C1, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở vì các công trình xây dựng trên đất do các nguyên đơn bỏ tiền tạo dựng, mẹ con Bà C1 được thụ hưởng, không phải trả tiền; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự

nguyên của các nguyên đơn hỗ trợ Bà C1 50.000.000 đồng là đã có lợi cho Bà C1, vì vậy, cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về vấn đề này.

[3]. Về án phí sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 623, 645 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, xử:

- Giao ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 339,8m² tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 01, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam cho ông Nguyễn Thanh P đại diện cho các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thanh N và cụ Nguyễn Thị T nhận quản lý để dùng vào việc thờ cúng.

- Giao cho ông Nguyễn Thanh P đại diện cho nguyên đơn nhận và sở hữu nhà kho với diện tích xây dựng 18,9m² trên diện tích đất 339,8m² tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 01, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam và có trách nhiệm bồi trả giá trị cho bà Trần Thị C1 là 25.099.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm, chín mươi chín ngàn đồng)

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Nhi T2, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị K do ông Nguyễn Thanh P đại diện hỗ trợ cho bà Trần Thị C1 về công sức tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị Chon, bà Nguyễn Thị T không phải chịu nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông Nguyễn Thanh P đại diện đã nộp theo biên lai thu số 000394 ngày 20/01/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các bị đơn bà Trần Thị C1, anh Nguyễn Thanh X, chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3000.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

II/ Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị C1 và chị Nguyễn Thị Thanh N mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; trừ vào số tiền Bà C1 và chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000129 và số 0000128 cùng ngày 28/5/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế Tòa án nhân dân tối cao
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân